**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:...................**  **Tổ:............................** | Họ và tên giáo viên:  …………………… |

**TÊN BÀI DẠY: INTERNET**

Môn học: Tin học; lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có kiến thức về:**

* Biết internet là gì
* Biết một số đặc điểm và lợi ích chính của internet

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về Internet là gì, đặc điểm và lợi ích chính của Internet.

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Internet và các lợi ích mà Internet đem lại đối với HS.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Internet, IoT,…

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực C (NLc):**

– *Nhận biết* được sự khác nhau giữa mạng máy tính và Internet.

– *Phân biệt* được các đặc điểm của Internet.

– *Nêu* được ví dụ minh hoạ về lợi ích của Internet.

– *Nêu* được ví dụ minh hoạ về ứng dụng của Internet với đời sống.

**3. Về phẩm chất:**

* Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* GV: Giáo án, một số hình ảnh về internet, nội dung hoạt động nhóm, phiếu đánh giá, bảng nhóm cho hoạt động nhóm, máy tính, máy chiếu
* HS: SGK, SBT, bút màu, tìm hiểu trước một số kiến thức về Internet

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**Mục tiêu**:

* HS hiểu được lợi ích của Internet với cuộc sống

**Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh:**

* GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước toàn lớp. Chia nhóm HS thảo luận.
* Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người trình bày.
* Nhóm thảo luận, trình bày câu trả lời vào bảng nhóm.
* Kết thúc thảo luận, các nhóm báo cáo kết quả, GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chọn ra các câu trả lời chính xác và khái quát. GV chốt và dẫn vào bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| Học sinh chia nhóm, thảo luận và trình bày các nội dung giáo viên đưa ra trước lớp. | Câu trả lời của các nhóm viết trên bảng nhóm gồm các nội dung sau:   * Em đã tìm kiếm thông tin cần thiết trên Internet, đặt vé và thanh toán. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Internet**

**Mục tiêu**: Thông qua hoạt động này, HS hiểu được khái niệm Internet, kể ra được những công việc mà người sử dụng có thể làm khi truy cập Internet.

**Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh:** GV yêu cầu HS chia cặp đôi, đọc phần nội dung trong sách giáo khoa. HS thảo luận Internet là gì, làm cách nào máy tính có thể kết nối vào Internet, người sử dụng có thể làm những gì khi truy cập Internet và các dịch vụ trên Internet. HS trình bày trước lớp, GV yêu cầu HS nhận xét câu trả lời của bạn, GV nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của HS.

| **Hoạt động học tập của HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| --- | --- |
| - HS đọc phần nội dung kiến thức mới và phần lưu ý. | - HS biết được Internet là mạng của các mạng máy tính.  - Muốn máy tính kết nối vào Internet thì người sử dụng cần đăng kí với nhà cung cấp dịch vụ Internet (VNPT, FPT, Viettel,..)  - Người sử dụng truy cập vào Internet để tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin.  - Các dịch vụ trên Internet: WWW, tìm kiếm, thư điện tử, điện thoại, mạng xã hội, kinh doanh, lưu trữ, trao đổi thông tin,… |
| HS ghi nhớ kiến thức trong hộp kiến thức. | - Internet là mạng của các mạng máy tính trên khắp thế giới.  - Máy tính có thể kết nối với Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet.  - Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin.  - Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet: WWW, tìm kiếm, thư điện tử,… |
| -HS củng cố kiến thức | HS trả lời câu hỏi trong phần củng cố. Đáp án trình bày như sau: |
| a) Internet là mạng **liên kết** các **mạng** máy tính trên khắp thế giới.  b) Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, **chia sẻ**, lưu trữ và trao đổi **thông tin**.  c) Có nhiều **dịch vụ** thông tin khác nhau trên Internet | |

**2. Đặc điểm của Internet**

**Mục tiêu**: Thông qua hoạt động này, HS nêu được các đặc điểm chung của Internet: toàn cầu, tương tác, dễ tiếp cận, không chủ sở hữu, cập nhật, lưu trữ, đa dạng, ẩn danh. Qua đó HS rút ra được các đặc điểm chính.

**Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh:** GV yêu cầu HS chia nhóm, đọc phần nội dung trong sách giáo khoa. HS thảo luận Internet có những đặc điểm nổi bật nào. HS trình bày trước lớp, GV yêu cầu HS nhận xét câu trả lời của bạn, GV nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của HS.

| **Hoạt động học tập của HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| --- | --- |
| - HS đọc phần nội dung kiến thức mới | - Internet là mạng máy tính được hàng tỉ người sử dụng trên thế giới.  Người sử dụng có thể nhận và gửi thông tin.  - Tốc độ truy cập Internet cực nhanh nên việc tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin rất thuận tiện, có thể thực hiện trong mọi lúc, ở mọi nơi.  - Thông tin trên Internet rất đa dạng, phong phú, được cập nhật thường xuyên, có thể sao lưu dễ dàng với dung lượng lớn.  - Người sử dụng không nhất thiết phải dùng tên thật, có thể dùng một tên tuỳ chọn. |
| HS ghi nhớ kiến thức trong hộp kiến thức. | - Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu. |
| -HS củng cố kiến thức | HS trả lời câu hỏi trong phần củng cố. Đáp án trình bày như sau: |
| 1.Đáp án A, B, D, F.  2. Tuỳ ý kiến của HS | |

**3. Lợi ích của Internet**

**Mục tiêu**: Thông qua hoạt động này, HS nêu được các lợi ích của Internet, thấy được sức ảnh hưởng lớn của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống. Qua đó giúp HS nhận thức được Internet có vai trò quan trọng và góp phần thúc đẩy xã hội phát triển

**Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh:** GV yêu cầu HS chia nhóm, đọc phần nội dung trong sách giáo khoa. Thảo luận HS vào Internet để thực hiện mục đích gì, lợi ích mà Internet đem lại, những tác hại của Internet đối với HS và HS cần làm gì để khắc phục những tác hại đó. HS trình bày trước lớp, GV yêu cầu HS nhận xét câu trả lời của bạn, GV nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của HS.

| **Hoạt động học tập của HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| --- | --- |
| - HS đọc phần nội dung kiến thức mới | - HS thường truy cập vào Internet để tìm tài liệu, học ngoại ngữ, học trực tuyến, xem tin tức, đăng bài lên mạng xã hội, nhắn tin với bạn bè, lướt Web, nghe nhạc, xem phim,…  - Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang Web (WWW), tìm kiếm, thư điện tử, …  - Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt  - Những tác hại của Internet đối với HS: ảnh hưởng đến sức khoẻ, ảnh hưởng đến kết quả học tập, tăng nguy cơ mắc bệnh trầm cảm nếu sử dụng Internet liên tục trong thời gian dài.  - Không nên sử dụng Internet liên tục trong nhiều giờ. |
| HS ghi nhớ kiến thức trong hộp kiến thức. | Những lợi ích mà Internet đem lại:  - Trao đổi thông tin nhanh chóng, hiệu quả.  - Học tập và làm việc trực tuyến.  - Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú  - Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống.  - Là phương tiện vui chơi, giải trí. |
| -HS củng cố kiến thức | HS trả lời câu hỏi trong phần củng cố. Đáp án trình bày như sau: |
| Đáp án A, B, D, E. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Mục tiêu**: Giúp học sinh ôn tập lại các kiến thức về Internet, cách kết nối máy tính vào Internet.

**Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh**: GV yêu cầu HS làm câu hỏi trắc nghiệm trong sách giáo khoa hoặc GV tạo bài tập trắc nghiệm bằng phần mềm để HS tương tác trực tiếp. GV nhận xét bài làm của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| HS làm câu hỏi trắc nghiệm trong sách giáo khoa | HS làm câu hỏi trắc nghiệm trong sách giáo khoa. Đáp án như sau:  1.Đáp án C  2. Muốn máy tính kết nối được Internet, người sử dụng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet. |

**D. Hoạt động 4: Vận dụng, tìm tòi, mở rộng**

Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để lí giải các vấn đề về Internet và ứng dụng của Internet với cuộc sống.

**Tổ chức dạy học và đánh giá HS**: GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm HS (2 bài tập trong phần Vận dụng của SGK), học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà, sau đó gửi kết quả qua email cho GV. GV căn cứ vào sản phẩm của HS để đánh giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| 1. Em hãy lấy ví dụ cho thấy Internet mang lại lợi ích cho việc học tập và giải trí.  2. Em hãy giải thích tại sao Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển. | 1. Internet là một kho học liệu vô tận, mọi người đều có thể tra cứu tài liệu để học tập, nghiên cứu, chia sẻ và tìm kiếm thông tin.  Internet cung cấp các dịch vụ để giải trí như xem phim trực tuyến, nghe nhạc, chơi game online, xem tin tức, vào mạng xã hội,…  Internet còn giúp mọi thứ có thể kết nối và điều khiển từ xa như ô tô thông minh, ngôi nhà thông minh,…  2.HS vận dụng những kiến thức về đặc điểm và lợi ích của Internet đã được tìm hiểu để trả lời nội dung này. |